

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 450/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Thanh Thu
- Ông Nguyễn Văn Hồi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1439/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ngãi Lợi, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Ông Võ Ngọc H, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: 6 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc P trình bày:

Bà và ông Võ Ngọc H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận kết hôn số 185 ngày 28/12/2022. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông H không quan tâm đến gia đình thường hay nhậu

về bà và ông H thường cãi nhau, kéo dài bà không còn tình cảm với ông H, mục đích hôn nhân không đạt được, có quá nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, không thể nói chuyện với nhau để đưa ra giải pháp đoàn tụ. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Ngọc H.

- Về con chung: Không có
- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với phía bị đơn là ông Võ Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn vắng mặt có đơn hợp lệ, bị đơn vắng mặt Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt đảm bảo đúng quy định.

+ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà P và ông H được ly hôn, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị Trúc P khởi kiện ly hôn với ông Võ Ngọc H, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; ông Võ Ngọc H là bị đơn có địa chỉ thường trú: 68/4 ấp F (ấp T cũ), xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà P và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 185 ngày 28/12/2022), hôn nhân giữa bà P và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông H có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không quan tâm, chăm sóc cho nhau, bất đồng quan điểm, bà P cho rằng ông H và bà đã không tìm giải pháp đoàn tụ. Bản thân bà không còn yêu thương, không còn muốn chung sống cùng ông H. Ông Võ Ngọc H vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền lợi của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra*

chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Xét thấy, hôn nhân giữa bà P và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế văn hóa, xã hội và lý do chính đáng.

Nhận thấy, bà P và ông H không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có giải pháp đoàn tụ. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc P là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Trúc P khai không có.

[4] Về tài sản chung: Bà P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H vắng mặt nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H vắng mặt nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc P. Bà Nguyễn Thị Trúc P với ông Võ Ngọc H được ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 185 ngày 28/12/2022).

2. Về con chung: Bà P khai không có

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0047188 ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (ghi nhận đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6/ Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- C.C THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã (Nơi cấp Giấy CN kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Nga